TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-PT
Ngày 06 - 02 - 2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Diệu.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nghĩa và bà Từ Thị Hải Dương.

- Thư ký phiên tòa: ông Hoàng Đoàn Quang Tiến - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Bà Cao Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2024/TLPT- DS ngày 11/11/2024 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 437/2024/QĐ-PT ngày 28/11/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965; nơi cư trú: Đ, thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phan Thị C, sinh năm 1967; nơi cư trú: Đ, thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

Do có kháng cáo của bà Phan Thị C đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2024/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ và Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, nguyên đơn - ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị C yêu nhau, đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 22/3/1991. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc tại Đ, thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình cho đến năm 2016. Từ đó đến nay thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bà C ham chơi cờ bạc, lô đề dẫn đến tiền bạc và tài sản đều bán hết. Nhiều lần ông Nguyễn Văn T can ngăn nhưng bà C vẫn không nghe nên vợ chồng đã sống ly thân khoảng 5 - 6 năm nay, không còn quan tâm đến nhau. Ông T xác định hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn hai bên đã trở nên trầm trọng không thể hàn gắn được nên yêu cầu được ly hôn với bà C.

Quá trình chung sống, vợ chồng ông bà có 05 con chung là Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1992; Nguyễn Thị Huyền T2, sinh năm 1997; Nguyễn Thị Trà G, sinh năm

1996; Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1996 và Nguyễn Quang H1, sinh năm 2003. Hiện nay các con đều đã trưởng thành, phát triển bình thường, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên các con tự thu xếp cuộc sống không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - bà Trương Thị C1 tại Bản tự khai ngày 20/8/2024 trình bày: Bà C1 thừa nhận quá trình tìm hiểu, kết hôn, chung sống và phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng như ông T trình bày. Bà cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn với ông Trương V điều kiện khi nào giữa bà với ông T đã giải quyết xong tài sản chung của vợ chồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2024/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, các điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - ông Nguyễn Văn T, xử cho ông Nguyễn Văn T được ly hôn bà Phan Thị C.

2. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành; các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bị đơn - Phan Thị C tại phiên tòa. Dành quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung bằng vụ án khác, nếu các bên có yêu cầu.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/9/2024 bà Phan Thị C kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị bác đơn ly hôn của ông Nguyễn Văn T để vợ chồng ông bà được đoàn tụ

Tại phiên toà phúc thẩm bà Phan Thị C giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị C. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy. Buộc đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các nội dung khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Sau khi xem xét nội dung kháng cáo, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; kết quả tranh luận, ý kiến của kiểm sát viên; nguyên đơn và bị đơn. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định, bị đơn - bà Phan Thị C kháng cáo Bản án sơ thẩm. Xét thấy, đơn kháng cáo của bị đơn là hợp lệ nên Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị C đề nghị bác đơn ly hôn của ông Nguyễn Văn T để vợ chồng ông bà được đoàn tụ. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bà Phan Thị C và ông Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 22/3/1991, do vậy, khẳng định hôn nhân giữa bà C và ông Trương L hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng ông bà sống hạnh phúc tại Đội 1, thôn Đ, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình và có với nhau 05 người con. Đến năm 2016 thì mâu thuẫn vợ chồng nảy sinh và kéo dài đến nay. Theo ông Trương T3 nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bà C ham chơi cờ bạc, lô đề dẫn đến tiền bạc và tài sản đều thất thoát hết. Nhiều lần ông Trương can N nhưng bà C vẫn không thay đổi. Do đó, ông bà đã sống ly thân được 5-6 năm nay, không còn quan tâm đến nhau. Phía bà C thì cho rằng bà không chơi cờ bạc, lô đề như ông T trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Trương T4 bỏ nhà đi sống nơi khác. Phía bà vẫn còn tình cảm với ông T, gia đình vẫn sinh hoạt, ăn uống chung với nhau nên không có lý do gì phải ly hôn. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng, bà C không mong muốn ly hôn nhưng quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm các lần hoà giải vào các ngày 20/6/2024. 12/7/2024 bà C đều không tham gia để trình bày nguyện vọng đó của mình. Tại Bản tự khai của mình bà C trình bày bà vẫn đồng ý ly hôn với ông Trương V điều kiện khi bà và ông T giải quyết xong tài sản bà sẽ ký đơn ly hôn. Mặt khác, tại phiên toà phúc thẩm bà C cũng không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm gia đình mà hai bên tiếp tục đổ lỗi cho nhau. Như vậy, xác định tình trạng hôn nhân giữa ông T, bà C đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, duy trì được nữa; hai bên cũng đã sống ly thân nhiều năm, tuy đang cùng sống chung một nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau nữa. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T để xử cho ông Trương ly H2 với bà là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, kháng cáo của bà C về việc yêu cầu bác đơn khởi kiện xin ly hôn của ông T là không có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị C, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[4]. Do kháng cáo bà C không được chấp nhận nên bà C phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

[5]. Các nội dung khác của Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2024/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn - bà Phan Thị C.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2024/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Trương . Xử cho ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Phan Thị C.

- Về quan hệ con cái: Các con chung của ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị C đều đã đủ 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Ông Nguyễn Văn T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bị đơn Phan Thị C tại phiên tòa sơ thẩm.

3. Về án phí phúc thẩm: Bà Phan Thị C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) bà C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0004451 ngày 30/9/2024.

4. Các quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2024/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu

Nơi nhận:
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND huyện Lệ Thủy;
- Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.